

Thứ sáu, ngày 24 tháng 4 năm 2020

Vietnam Daily Review

Giảng co quanh mốc tham chiếu

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 27/4/2020		•	
Tuần 27/4-1/5/2020		•	
Tháng 4/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index giao dịch giằng co ngay từ những phút đầu phiên. Chỉ số nhanh chóng đề mất đà tăng và lùi về sau mốc tham chiếu trước áp lực bán gia tăng trên các mã VHM, VCB, BID, SAB, VIC. Đến phiên chiều, nhờ đà bật phá ấn tượng của VNM sau thông tin công ty dự định mua 17.5 triệu cổ phiếu quỹ, VN-Index đảo chiều tăng nhẹ trở lại. Thị trường có phiên tăng điểm thứ hai liên tiếp, trái ngược với xu hướng điều chỉnh chung của các TTCK lớn khác trong khu vực. Thanh khoản quay trở lại mức trung bình so với các phiên trước, cho thấy dòng tiền chủ yếu vẫn nằm trong thị trường. Trong bối cảnh lực cầu luôn xuất hiện khi chỉ số xuất hiện tín hiệu điều chỉnh trong phiên, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục vận động tích lũy đi ngang trong kênh giá 750 - 800 điểm.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể tích lũy quanh 725 điểm trong những phiên tiếp theo.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 24/4/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Nước & Năng lượng_3.4%

Phân tích kỹ thuật: VNM_Hung phần (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+2.75 điểm**, đóng cửa 776.66. HNX-Index **+0.00 điểm**, đóng cửa 106.97.
- Kéo chỉ số tăng: **VNM (+6.97%)**; **MSN (+2.23%)**; **VPB (+3.02%)**; **HPG (+2.31%)**; **PLX (+1.60%)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VHM (-2.40%)**; **VCB (-0.43%)**; **BID (-0.55%)**; **HVN (-1.62%)**; **VJC (-1.03%)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,200 tỷ đồng**, **+10%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 10.99 điểm. Thị trường có **177 mã tăng**, 73 mã tham chiếu và **159 mã giảm**.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **345.20 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (91.19 tỷ), CRE (38.52 tỷ) và VCB (37.01 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **22.67 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

776.66

Giá trị: 3200.4 tỷ

2.75 (0.36%)

Khối ngoại (ròng): -345.2 tỷ

HNX-INDEX

106.97

Giá trị: 303.88 tỷ

0 (0%)

Khối ngoại (ròng): -22.67 tỷ

UPCOM-INDEX

51.66

Giá trị: 189.62 tỷ

-0.08 (-0.15%)

Khối ngoại (ròng): -17.38 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá đầu	16.3	-1.15%
Giá vàng	1,730	-0.01%
Tỷ giá USD/VND	23,502	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	25,301	-0.32%
Tỷ giá JPY/VND	21,826	-0.02%
LS liên NH 1 tháng	2.6%	3.63%
LS TPCP 5 năm	2.5%	0.45%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	27.4	VNM	96.9
HCM	7.8	CRE	39.0
POW	4.6	VCB	37.0
PLX	4.3	HDB	32.0
NT2	2.8	VRE	23.8

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Nước & Năng lượng_3.4%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	12/23 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Nước & Năng lượng	3.4%	3.1%	22.1%	22.1%	-13.4%	-13.4%	22.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	2.6%	3.4%	22.9%	22.9%	-4.4%	-4.4%	15.6%
Hàng tiêu dùng	2.0%	3.7%	36.1%	36.1%	-12.2%	-12.2%	15.6%
Xây dựng	1.8%	-0.4%	22.1%	22.1%	-16.2%	-16.2%	22.1%
FTSE Việt Nam	1.6%	-1.1%	15.5%	15.5%	-17.5%	-17.5%	15.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.3%	-1.0%	18.0%	18.0%	-17.1%	-17.1%	22.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.9%	-0.7%	21.9%	21.9%	-16.0%	-16.0%	17.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.6%	-1.5%	21.0%	21.0%	-19.5%	-19.5%	17.5%
Lãi suất giảm	0.6%	-1.2%	27.4%	27.4%	-16.0%	-16.0%	19.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.6%	-1.3%	19.0%	19.0%	-21.4%	-21.4%	22.1%
VN Diamond	0.5%	-2.2%	21.2%	21.2%	-20.2%	-20.2%	22.1%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.5%	-1.5%	25.4%	25.4%	-19.9%	-19.9%	22.1%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.3%	-4.1%	16.3%	16.3%	-19.5%	-19.5%	17.5%
VN FinSelect	0.3%	-4.0%	15.8%	15.8%	-19.0%	-19.0%	22.1%
Vật liệu Xây dựng	0.1%	0.5%	28.2%	28.2%	-13.2%	-13.2%	22.1%
Ngân Hàng	0.1%	-3.9%	14.6%	14.6%	-17.6%	-17.6%	22.1%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.2%	-4.7%	24.4%	24.4%	-15.7%	-15.7%	22.6%
Bất động sản & Khu công nghiệp	-0.2%	-1.3%	14.7%	14.7%	-20.5%	-20.5%	22.6%
Stay-at-home	-0.3%	2.6%	30.2%	30.2%	-5.6%	-5.6%	22.1%
Corona Avengers	-0.5%	-1.4%	33.8%	33.8%	-11.8%	-11.8%	15.6%
Chiến tranh thương mại	-0.6%	-3.0%	23.6%	23.6%	-21.7%	-21.7%	17.5%
Dầu khí	-0.6%	-1.7%	30.6%	30.6%	-29.4%	-29.4%	15.6%
Cổ phiếu ngành Dược	-1.3%	-0.2%	14.9%	14.9%	-8.0%	-8.0%	17.5%
Mục tiêu	6/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
M31	1.6%	-1.1%	19.8%	19.8%	-18.2%	-18.2%	20.8%
L11	1.6%	1.7%	19.7%	19.7%	-17.0%	-17.0%	17.3%
L22	1.5%	-1.3%	26.2%	26.2%	-17.3%	-17.3%	19.5%
S11	1.4%	0.1%	15.6%	15.6%	-11.7%	-11.7%	18.7%
M22	0.9%	0.5%	21.5%	21.5%	-14.7%	-14.7%	18.8%
S32	0.7%	-0.8%	31.2%	31.2%	-23.0%	-23.0%	22.1%
M12	0.1%	-1.7%	16.7%	16.7%	-16.7%	-16.7%	19.9%
S21	0.1%	-2.0%	21.9%	21.9%	-17.5%	-17.5%	19.8%
L32	-0.1%	-1.0%	29.5%	29.5%	-21.5%	-21.5%	20.9%
Khẩu vị Rủi ro	2/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	1.3%	0.3%	15.2%	15.2%	-15.0%	-15.0%	17.0%
HIGH3	0.7%	-1.2%	25.2%	25.2%	-10.8%	-10.8%	18.8%
MID1	0.2%	-0.9%	23.0%	23.0%	-11.4%	-11.4%	17.4%
INDEX							
VNINDEX	0.4%	-1.6%	17.2%	17.2%	-19.2%	-19.2%	16.8%
VN30INDEX	1.1%	-1.4%	18.7%	18.7%	-17.5%	-17.5%	17.3%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	23	12	11	16	7	17	6
Mục tiêu	9	6	3	7	2	7	2
Rủi ro	3	2	1	3	0	2	1

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

VNM_Hưng phần

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: VNM đang ở trong trạng thái tăng giá sau khi đã giảm giá trung hạn về khu vực hỗ trợ xung quanh mốc 85. Phiên hôm nay, sự hưng phấn đã đẩy giá cổ phiếu tăng kịch trần, qua đó vượt lên trên ngưỡng 100. Các chỉ báo kỹ thuật hầu hết đều đang ủng hộ cho trạng thái tích cực của cổ phiếu. Các đường EMA vừa tạo Golden Cross nên có thể đây sẽ là sự khởi đầu cho một chu kỳ tươi sáng mới của VNM. Bên cạnh đó, chỉ báo động lượng RSI đang tăng dần trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua cho thấy dư địa tăng vẫn còn nhiều. Theo đánh giá của chúng tôi, VNM tiềm năng sẽ tiếp tục tăng cho đến khi tiếp cận vùng giá xung quanh 115.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Cập nhật KQKD

Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch.

VNM kì vọng KQKD Q1/2020 sẽ vẫn tăng trưởng tốt nhờ 2 tháng đầu năm nhu cầu tiêu thụ sản phẩm sữa cao. Đối với thị trường nội địa, KQKD 2 tháng đầu năm 2020 VNM vẫn tăng trưởng tốt và thị phần vẫn duy trì ở mức ổn định trong hầu hết ở các ngành hàng, cụ thể sữa chua ăn và sữa chua uống sẽ được hưởng lợi do sản phẩm tăng cường được sức đề kháng, tuy nhiên ngành hàng sữa bột có xu hướng giảm do cạnh tranh lớn từ các đối thủ nước ngoài. Đối với thị trường xuất khẩu, doanh thu xuất khẩu sẽ bị ảnh hưởng chủ yếu ở 2 khu vực là Trung Đông và Châu Á. Đối với các kênh bán hàng, trong 2 tháng đầu năm, kênh truyền thống vẫn duy trì tăng trưởng tốt tuy nhiên tới bắt đầu từ tháng 3 việc hạn chế người dân ra ngoài và học sinh ở nhà khiến sản lượng tiêu thụ sẽ bị ảnh hưởng. Đối với kênh online, xu hướng có tăng tốt tuy nhiên đóng góp vào doanh thu còn khiêm tốn.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express VNM 2020Q2**

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

CTG_Bứt phá

[Link](#)

TAR_Hồi phục từ đáy

[Link](#)

STB_Bứt phá

[Link](#)

KSB_Mô hình hai đáy

[Link](#)

TIG_Bứt phá

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 24/4/2020

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 24/4	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	17.21	4.30%	-31.20%	-34.30%	-72.16%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	21.87	2.53%	-22.10%	-26.50%	-66.88%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	61.73	-4.09%	-13.10%	20.90%	-68.37%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1725.06	-0.31%	2.50%	6.70%	34.68%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	15.21	-0.26%	0.20%	5.10%	2.53%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	848.00	0.15%	0.70%	-4.50%	-8.79%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	548.50	0.69%	2.80%	-1.20%	10.42%		AFX
Sữa	USD /cwt	11.64	2.83%	-4.30%	-23.20%	-29.20%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	151.20	-0.53%	-1.80%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	10.01	0.00%	-3.10%	-8.20%	-28.96%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	112.40	0.31%	-6.10%	-7.90%	5.24%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	5160.50	0.57%	0.40%	7.30%	-18.92%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3329.00	-0.83%	-2.20%	0.20%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1510.00	-0.33%	-0.20%	-4.60%	-18.69%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	609.50	0.00%	-0.70%	6.10%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	55.00	0.64%	-7.60%	-15.40%	-35.60%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu Brent kỳ hạn tháng 6 tăng 96 US cent (4.7%) lên 21.33 USD/thùng, trong khi Hợp đồng dầu ngọt nhẹ Mỹ (WTI) cùng kỳ hạn tăng 2.72 USD (19.7%) lên 16.5 USD/thùng.
- Số giàn khoan của Mỹ đã giảm xuống mức thấp nhất kể từ năm 2016 và sản lượng dầu thô của nước này mỗi ngày giảm 100,000 thùng, xuống 12.2 triệu thùng.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 0.8% lên 1,726.94 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 6 tăng 0.4% lên 1,745.40 USD/ounce.
- Bộ Lao động Mỹ cho biết đã có thêm 4.427 triệu người nộp đơn xin trợ cấp thất nghiệp trong tuần vừa qua, đưa số đơn trong vòng 5 tuần qua lên mức cao kỷ lục 26 triệu. Đó là lý do khiến các thành viên của Hạ viện Mỹ ngày hôm qua họp tại Washington nhằm thông qua dự luật cứu trợ do khủng hoảng Covid-19 trị giá 484 tỷ USD, đưa tổng số tiền hỗ trợ kinh tế trong dịp khủng hoảng này lên gần 3 nghìn tỷ USD – mức cao chưa từng có.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Đại Liên tăng 0.2% lên 605 CNY/tấn. Giá quặng sắt trên thị trường Trung Quốc mạnh lên trong phiên vừa qua khi các nhà máy đẩy mạnh việc mua tích trữ trước kỳ nghỉ Quốc tế Lao động.
- Giá thép cây kỳ hạn tháng 10/2020 trên sàn Thượng Hải giảm 0.3% xuống 3,375 CNY/tấn, thép cuộn cán nóng giảm 0.1% xuống 3,211 CNY/tấn. Sản lượng thép thô trên toàn cầu trong tháng 3/2020 giảm 6% so với cùng tháng năm ngoái, xuống 147.1 triệu tấn. Tuy nhiên, sản lượng thép thô tháng 3 của Trung Quốc chỉ giảm nhẹ (-1.7% xuống 79 triệu tấn). Sản lượng thép của Liên minh Châu Âu tháng 3 giảm 20.4% xuống 12 triệu tấn, của Bắc Mỹ giảm 9.4% xuống 9.7 triệu tấn, trong khi của Nhật Bản giảm 9.7% xuống 8.2 triệu tấn và của Ấn Độ giảm 13.9% xuống 8.7 triệu tấn. Nhu cầu từ các hãng sản xuất ô tô và các dự án xây dựng suy giảm.

Giá cao su

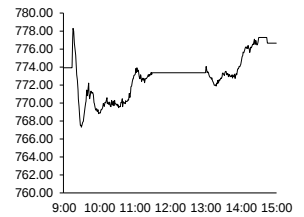
- Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn TOCOM tăng 4.3 JPY (2.9%) lên 152 JPY/kg. Giá cao su kỳ hạn tháng 9/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 3.6% lên 10,025 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 7 tăng 0.35 US cent (0.3%) lên 1.124 USD/lb. Giá cà phê robusta giao cùng kỳ hạn tăng 29 USD lên 1,150 USD/tấn.
- Gạo 5% tấm của Ấn Độ giá giảm từ 375 – 380 USD/tấn xuống 374 0- 379 USD/tấn. Gạo 5% tấm của Thái Lan giá giảm nhẹ còn 530 – 556 USD/tấn, từ mức 530 – 538 USD/tấn. Gạo 5% tấm của Việt Nam tuần này bắt đầu được báo với giá ở mức 440 – 450 USD/tấn, cao nhất trong vòng gần 2 năm.

Hình 1

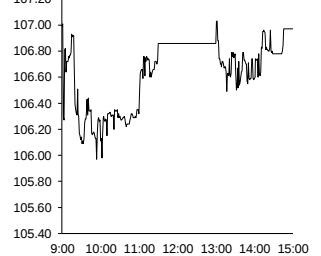
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	9.02%
Thực phẩm và đồ uống	2.93%
Tài nguyên Cơ bản	2.15%
Dầu khí	1.06%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.80%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.57%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.48%
Dịch vụ tài chính	0.17%
Xây dựng và Vật liệu	0.14%
Công nghệ Thông tin	0.05%
Ngân hàng	-0.03%
Bán lẻ	-0.36%
Y tế	-0.41%
Bảo hiểm	-0.44%
Hóa chất	-0.47%
Bất động sản	-0.63%
Truyền thông	-0.91%
Ô tô và phụ tùng	-1.01%
Du lịch và Giải trí	-1.15%

Nguồn: FinPro

BẦY CỪU VÀ NHỮNG CON SÓI

Có một người chăn cừu quyết định đưa đàn cừu của mình lên sống ở phía bắc. Lúc đầu, khí hậu rất thích hợp cho đàn cừu, nên chúng sống rất phồn phơ, thoải mái. Cũng chính vì thế mà lũ cừu trở lên lười biếng.

Rồi mùa đông đến, nhiệt độ xuống rất thấp, khiến lũ cừu không thể chịu đựng nổi, nhiều con đã chết rét. Người chăn cừu rất lo lắng. Anh ta suy nghĩ mãi, rồi đưa ra một giải pháp có vẻ liều lĩnh: thả vài con sói vào bầy cừu. Lúc này, bầy cừu cảm thấy tính mạng của chúng đang bị đe dọa nên không ngừng chạy trốn sự truy đuổi của bầy sói. Chính sự vận động ấy đã giúp chúng chống lại cái rét, và số cừu chết ít hơn trước đây khá nhiều.

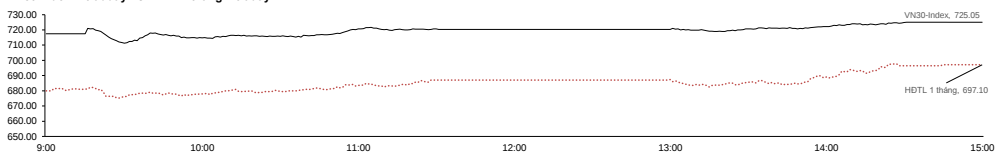
Qua câu chuyện kể trên, ta đều thấy: Thách thức đôi khi là cơ hội.

Đôi khi, chính những mối nguy hiểm lại khiến chúng ta sống tốt hơn. Một nhà đầu tư cũng vậy, chỉ có thể sống mạnh mẽ hơn khi luôn có ý thức về nguy cơ trong quá trình đầu tư để không quá chìm đắm trong thành công. Điều quan trọng là bạn phải biết kiểm soát những nguy cơ này để đưa ra được những quyết định có lợi, nếu không đàn sói sẽ ăn hết đàn cừu của bạn khi bạn không để ý đến.



Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HDTL 1 tháng intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2005	697.10	2.68%	-27.95	-9.4%	235,828	5/21/2020	27
VN30F2006	687.30	2.12%	-37.75	-20.8%	572	6/18/2020	55
VN30F2009	685.90	2.21%	-39.15	32.4%	147	9/17/2020	146
VN30F2012	686.10	1.05%	-38.95	62.5%	117	12/17/2020	237

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index tăng tích cực 7.56 điểm lên mức 725.05 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VPB, HPG, MSN, và TCB tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 điều chỉnh giảm đầu phiên sáng xuống quanh 710 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch tăng mạnh lên trên 725 điểm. Thanh khoản duy trì tại mức thấp, VN30 có thể tích lũy quanh 725 điểm trong những phiên tiếp theo.

• Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2009, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tích lũy trong ngắn hạn, tăng trong dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM2002	KIS	12/16/2020	236	5:1	148,550	3.2%	3.0 triệu	29.01%	3,200	1,480	32.14%	292.70	5.06
CVPB2001	HSC	6/22/2020	59	2:1	70,690	20.5%	5.0 triệu	39.89%	1,500	1,120	20.43%	821.00	1.36
CDPM2001	KIS	6/19/2020	56	2:1	56,600	207.6%	2.0 triệu	36.29%	1,000	1,400	16.67%	565.70	2.47
CHPG2004	SSI	6/15/2020	52	1:1	169,510	112.6%	5.0 triệu	32.56%	2,800	1,050	15.38%	600.70	1.75
CHPG2003	MBS	5/4/2020	10	3:1	510,100	13.9%	6.0 triệu	32.56%	1,570	150	15.38%	-	-
CHPG2001	HSC	6/30/2020	67	2:1	82,860	-69.5%	5.0 triệu	32.56%	1,800	680	13.33%	302.00	2.25
CREE1905	MBS	6/17/2020	54	3:1	223,600	2136.0%	2.4 triệu	30.56%	2,150	440	10.00%	65.20	6.75
CHPG2002	KIS	12/16/2020	236	2:1	49,770	155.9%	3.0 triệu	32.56%	1,700	1,130	4.63%	249.90	4.52
CMSN2001	KIS	12/16/2020	236	5:1	62,190	76.9%	2.0 triệu	31.93%	2,300	2,020	3.06%	875.50	2.31
CVRE2001	KIS	9/21/2020	150	3:1	208,820	5.4%	8.0 triệu	38.42%	1,500	220	0.00%	36.70	5.99
CFPT2004	SSI	8/10/2020	108	1:1	18,410	-54.0%	2.0 triệu	31.93%	5,100	6,500	-1.22%	4,385.10	1.48
CSTB2002	KIS	12/16/2020	236	1:1	86,610	91.5%	3.0 triệu	37.28%	1,700	1,260	-1.56%	373.80	3.37
CMBB2003	SSI	11/9/2020	199	1:1	21,790	22.1%	3.0 triệu	32.55%	2,000	1,870	-2.60%	969.30	1.93
CMBB2002	SSI	9/10/2020	108	1:1	34,800	40.3%	3.0 triệu	32.55%	1,300	1,120	-2.61%	529.50	2.12
CFPT2003	SSI	11/9/2020	199	1:1	20,060	-25.4%	2.0 triệu	31.93%	7,300	8,460	-5.79%	5,905.20	1.43
CFPT1908	MBS	6/17/2020	54	3:1	153,930	86.3%	2.4 triệu	31.93%	3,150	740	-6.33%	486.90	1.52
CHPG1909	KIS	5/15/2020	21	2:1	610,270	171.3%	5.0 triệu	32.56%	1,800	130	-7.14%	35.00	3.71
CVPB2003	VCSC	7/22/2020	89	1:1	182,000	12627.3%	1.5 triệu	39.89%	2,200	1,410	-10.18%	1,107.50	1.27
CVHM2001	KIS	12/16/2020	236	5:1	87,910	576.2%	2.0 triệu	32.24%	3,100	1,350	-11.18%	170.80	7.90
CMWG2004	SSI	6/15/2020	52	1:1	75,970	195.9%	1.0 triệu	38.45%	13,600	680	-13.92%	333.40	2.04
CMSN1902	KIS	5/15/2020	21	5:1	159,640	1582.2%	2.0 triệu	31.93%	1,640	50	-16.67%	0.10	500.00

Tổng: 3,034,080 68.30 triệu 33.79%**
Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 24/4/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

• Về giá, CVNM2002 và CDPM2001 tăng mạnh lần lượt là 32.14% và 16.67%. Trái lại, CMSN1902 và CVHM2001 giảm mạnh lần lượt là -16.67% và -11.18%. Giá trị giao dịch tăng 7.84%. CVPB2003 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.79% thị trường.

• Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là DPM, FPT, HPG, MWG, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CFPT2004 và CFPT2003 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CDPM2002 và CDPM2001 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhqa@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	102.80	6.97	5.04
VPB	20.50	3.02	1.39
HPG	22.10	2.31	1.13
MSN	59.50	2.23	0.83
TCB	17.10	0.88	0.46

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	65.0	-2.40	-0.81
VJC	115.2	-1.03	-0.43
MWG	83.0	-0.60	-0.20
MBB	16.1	-0.62	-0.20
STB	9.1	-0.55	-0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hóa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM2002	157,111	141,111	102,800
CVPB2001	23,000	20,000	20,500
CDPM2001	16,567	14,567	15,000
CHPG2004	26,300	23,500	22,100
CHPG2003	26,810	22,100	22,100
CHPG2001	27,600	24,000	22,100
CREE1905	39,124	32,977	30,600
CHPG2002	33,399	29,999	22,100
CMSN2001	77,289	65,789	59,500
CVRE2001	42,789	36,789	24,000
CFPT2004	55,100	50,000	51,000
CSTB2002	13,588	11,888	9,100
CMBB2003	20,000	18,000	16,050
CMBB2002	19,300	18,000	16,050
CFPT2003	57,300	50,000	51,000
CFPT1908	63,450	54,000	51,000
CHPG1909	28,280	24,680	22,100
CVPB2003	24,200	22,000	20,500
CVHM2001	110,067	94,567	65,000
CMWG2004	24,100	10,500	83,000
CMSN1902	86,089	77,889	59,500

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	83.0	-0.6%	1.2	1,634	3.7	8,655	9.6	3.0	49.0%	36.3%
PNJ	Bán lẻ	59.5	0.2%	1.3	583	1.1	5,248	11.3	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.0	-0.6%	1.4	1,517	0.6	1,632	28.8	1.8	28.8%	6.7%
PVI	Bảo hiểm	30.7	-0.3%	0.6	308	0.1	2,092	14.7	1.0	54.3%	7.0%
VIC	Bất động sản	93.0	0.0%	0.9	13,677	1.2	2,310	40.3	4.0	14.1%	11.7%
VRE	Bất động sản	24.0	-0.4%	1.1	2,371	1.7	1,226	19.6	2.0	31.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	53.0	0.8%	0.8	2,234	2.5	3,552	14.9	2.3	6.0%	16.6%
REE	Bất động sản	30.6	3.7%	0.9	413	1.2	5,287	5.8	0.9	49.0%	16.6%
DXG	Bất động sản	9.6	0.0%	1.5	216	0.9	2,289	4.2	0.7	40.5%	15.9%
SSI	Chứng khoán	13.3	-0.4%	1.3	346	0.9	1,787	7.4	0.7	51.4%	9.9%
VCI	Chứng khoán	18.4	-2.1%	1.0	131	0.4	4,240	4.3	0.7	34.1%	18.0%
HCM	Chứng khoán	17.2	1.5%	1.8	228	1.4	1,480	11.6	1.2	54.4%	12.0%
FPT	Công nghệ	51.0	0.0%	0.8	1,512	3.1	4,631	11.0	2.5	49.2%	23.7%
FOX	Công nghệ	46.1	0.0%	0.4	499	0.0	4,812	9.6	2.4	0.2%	28.3%
GAS	Dầu khí	65.1	0.0%	1.5	5,417	1.7	5,820	11.2	2.5	3.4%	23.6%
PLX	Dầu khí	41.4	1.6%	1.5	2,141	1.9	3,495	11.8	2.1	13.1%	19.6%
PVS	Dầu khí	11.7	-0.8%	1.6	243	2.0	1,777	6.6	0.4	15.0%	7.1%
BSR	Dầu khí	6.1	1.7%	0.8	822	1.1	898	6.8	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	91.7	-1.3%	0.6	521	0.0	5,046	18.2	3.4	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	15.0	-2.0%	0.6	255	1.7	1,006	14.9	0.7	16.2%	5.4%
DCM	Hóa chất	7.8	-3.0%	0.6	178	0.9	592	13.1	0.7	1.8%	5.1%
VCB	Ngân hàng	68.9	-0.4%	1.2	11,111	2.9	4,848	14.2	3.0	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	36.0	-0.6%	1.6	6,295	0.9	2,366	15.2	1.9	17.8%	13.3%
CTG	Ngân hàng	19.2	0.0%	1.2	3,108	2.4	2,541	7.6	0.9	29.7%	13.2%
VPB	Ngân hàng	20.5	3.0%	1.2	2,173	3.0	3,750	5.5	1.1	23.1%	22.7%
MBB	Ngân hàng	16.1	-0.6%	1.1	1,683	1.9	3,476	4.6	1.0	23.0%	22.1%
ACB	Ngân hàng	20.3	0.0%	1.0	1,468	1.1	3,780	5.4	1.1	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	45.4	0.8%	0.9	162	0.2	5,165	8.8	1.5	79.3%	17.2%
NTP	Nhựa	32.4	-0.9%	0.4	138	0.0	4,208	7.7	1.2	18.5%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.2	-1.3%	0.6	654	0.0	356	42.7	1.2	2.0%	2.9%
HPG	Thép	22.1	2.3%	1.1	2,653	7.9	2,588	8.5	1.3	36.7%	17.1%
HSG	Thép	7.3	6.9%	1.7	140	6.6	1,161	6.3	0.5	17.6%	8.9%
VNM	Tiêu dùng	102.8	7.0%	0.7	7,783	15.9	5,478	18.8	6.5	58.6%	35.8%
SAB	Tiêu dùng	180.0	-0.3%	0.8	5,019	0.6	7,477	24.1	6.1	63.3%	29.9%
MSN	Tiêu dùng	59.5	2.2%	1.0	3,024	3.1	4,772	12.5	1.6	36.0%	15.4%
SBT	Tiêu dùng	14.1	0.0%	0.8	358	1.3	508	27.7	1.2	5.8%	4.4%
ACV	Vận tải	59.3	-2.3%	0.8	5,613	0.3	3,450	17.2	3.5	3.5%	22.3%
VJC	Vận tải	115.2	-1.0%	1.1	2,624	1.1	7,889	14.6	3.9	18.7%	28.7%
HVN	Vận tải	27.4	-1.6%	1.7	1,687	1.3	1,654	16.5	2.1	9.4%	12.9%
GMD	Vận tải	17.5	-0.9%	1.0	225	0.3	1,602	10.9	0.9	49.0%	8.1%
PVT	Vận tải	10.3	1.5%	1.0	125	0.7	2,398	4.3	0.7	26.5%	16.1%
VCS	Vật liệu xây dựng	59.8	-0.3%	1.0	416	0.5	9,201	6.5	2.8	2.5%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	16.5	-0.6%	0.8	322	0.0	1,453	11.4	1.2	13.3%	10.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.3	-1.1%	1.0	220	0.0	1,938	6.8	0.9	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	60.6	6.9%	1.2	201	1.0	8,032	7.5	0.5	46.4%	7.3%
VCG	Xây dựng	25.1	0.0%	0.5	482	0.1	1,548	16.2	1.6	0.5%	10.2%
CII	Xây dựng	19.1	-1.0%	0.4	205	0.4	760	25.1	0.9	45.7%	3.7%
POW	Điện	9.6	0.5%	0.6	972	1.7	1,028	9.3	0.8	11.5%	9.4%
NT2	Điện	20.7	4.6%	0.6	258	0.6	2,543	8.1	1.4	17.6%	18.1%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	102.80	6.97	3.33	3.62MLN
MSN	59.50	2.23	0.43	1.22MLN
VPB	20.50	3.02	0.42	3.36MLN
HPG	22.10	2.31	0.39	8.30MLN
PLX	41.35	1.60	0.24	1.09MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	0.00	-1.53	2.15MLN	1.11MLN
VCB	0.00	-0.32	972170.00	607060.00
BID	0.00	-0.23	592910.00	373600.00
VJC	0.00	-0.19	220300.00	192700.00
HVN	0.00	-0.18	1.10MLN	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
QCG	7.21	6.97	0.04	1.13MLN
VNM	102.80	6.97	3.33	3.62MLN
NAV	17.65	6.97	0.00	78260.00
HAI	3.07	6.97	0.01	6.24MLN
HMC	13.05	6.97	0.01	99970.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
COM	41.85	-7.00	-0.01	790.00
DAT	9.09	-6.96	-0.01	10.00
VPS	10.70	-6.96	-0.01	350.00
SII	18.15	-6.92	-0.03	160.00
FDC	9.29	-6.91	-0.01	220.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DGC	27.00	4.25	0.08	477100.00
CEO	7.00	2.94	0.03	1.50MLN
L14	67.40	2.12	0.02	108800.00
KLF	1.90	5.56	0.02	11.87MLN
CTX	8.30	9.21	0.01	6700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DHT	47.00	-4.28	-0.03	17600.00
SZB	30.00	-6.25	-0.03	15200.00
PVS	11.70	-0.85	-0.02	3.86MLN
TAR	30.20	-4.43	-0.02	289800.00
IVS	7.20	-7.69	-0.02	4400.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

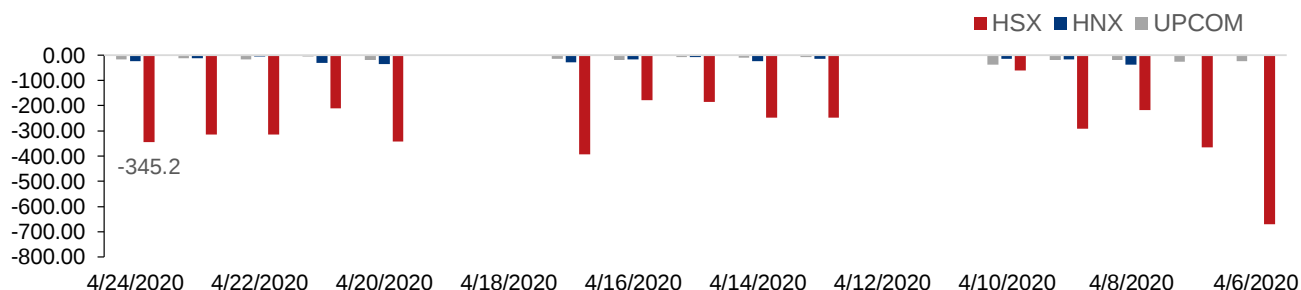
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPS	0.30	50.0	0.00	234300.00
HKB	0.70	16.7	0.00	653100.00
BII	0.80	14.3	0.00	130400.00
KVC	0.80	14.3	0.01	366000.00
MAC	5.50	10.0	0.01	17200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SJC	0.40	-20.00	0.00	24700.00
SPP	0.50	-16.67	0.00	290500.00
PHN	23.20	-14.07	-0.01	300.00
HBS	1.80	-10.00	0.00	34900.00
TTT	34.20	-10.00	0.00	100.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
2	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
6	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
7	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
10	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
11	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
16	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
18	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	43.1	3,138	13.7	2.3	Click
2	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	51.0	4,631	11.0	2.5	Click
3	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	17.5	1,602	10.9	0.9	Click
4	ACB	Ngân hàng	Mua	16/3/2020	22.0	29.0	20.3	3,780	5.4	1.1	Click
5	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/2020	12.4	17.1	12.0	1,954	6.1	0.6	Click
6	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/2020	144.0	161.1	180.0	7,477	24.1	6.1	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	11/3/2020	23.0	28.9	20.5	1,688	12.1	1.5	Click
8	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/2020	106.2	127.3	102.8	5,478	18.8	6.5	Click
9	AAA	Sản xuất	Theo dõi	26/2/2020	12.6	15.0	12.8	2,690	4.8	0.7	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/2020	106.2	171.1	83.0	8,655	9.6	3.0	Click
11	VHC	Thủy sản	Theo dõi	21/2/2020	34.5	35.0	27.3	6,553	4.2	1.0	Click
12	FPT	Công nghệ	Mua	21/2/2020	54.2	70.3	51.0	4,631	11.0	2.5	Click
13	DRC	Cao su	Mua	20/2/2020	23.3	28.8	18.9	2,282	8.3	1.3	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	17/2/2020	28.0	33.9	23.8	4,465	5.3	1.1	Click
15	DHG	Y tế	Theo dõi	3/2/2020	93.0	n/a	91.7	5,046	18.2	3.4	Click
16	QNS	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	28.7	35.0	22.8	4,313	5.3	1.1	Click
17	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/1/2020	86.5	99.7	59.5	5,248	11.3	2.7	Click
18	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/2019	16.8	20.2	10.3	2,398	4.3	0.7	Click
19	NTC	Bất động sản	Theo dõi	18/12/2019	170.0	n/a	161.8	14,782	10.9	4.5	Click
20	PVD	Dầu khí	Theo dõi	16/12/2019	14.7	18.9	9.4	0	21.1	0.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC iBroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
PNJ 2020Q2	10/4/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 60000 ; Giá tại Publish 57600 Lợi nhuận gộp Q1/20 ước tính đạt 1,085 tỷ đồng (+3.2% YoY) tương đương biên gộp là 21.7% (giảm nhẹ 20 bps YoY). Chiến lược tập trung vào các dòng sản phẩm có biên lợi nhuận cao đã giúp cho PNJ duy trì được mức biên gộp cao và tối ưu hóa chi phí trong mùa dịch như tiết giảm chi phí nhân viên, thuê mặt bằng ngoài,... đã góp phần làm biên LNST duy trì mức tốt là 8.2% YoY (giảm nhẹ 80 bps YoY). Chúng tôi lưu ý Q2 và Q3 thường là giai đoạn thấp điểm của PNJ nên khả năng sẽ không duy trì được biên gộp cao như Q1 trong 2 quý tới.
VNM 2020Q2	1/4/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 125000 ; Giá tại Publish 91000 Theo VNM chia sẻ, doanh thu cả năm của VNM có thể tăng trưởng chậm lại từ 5-6% dưới tác động của dịch bệnh COVID-19, so với kế hoạch tăng trưởng đầu năm là 10% và không thấp hơn 62,000 tỷ đồng do chưa loại trừ ảnh hưởng của dịch. Chi phí SGA/REV của VNM 2020 sẽ có sự điều tiết giảm về mức 24-25% do (1) Giảm lương nhân viên (2) Tăng marketing, quảng cáo (3) Tăng khuyến mãi để kích thích tiêu dùng. BSC kỳ vọng DTT và LNST của VNM 2020 sẽ đạt lần lượt 59,589 tỷ đồng (+5.6% YoY) và 11,322 tỷ đồng (+7% YoY) nhờ cải thiện được biên gộp, và giảm chi phí SGA/REV; tương đương EPS 2020 là 5,876 VND/cp, PE fw = 18.1x, PB fw = 5.4x. Hiện tại, VNM đang được giao dịch với mức PE TTM là 15x thấp hơn so với quá khứ là 20x, nếu giá cổ phiếu tiếp tục giảm thì doanh nghiệp sẽ thực hiện mua cổ phiếu quỹ.
KBC 2020Q1	13/3/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 17110 ; Giá tại Publish 12400 Chúng tôi khuyến nghị Mua cổ phiếu KBC với mức giá hợp lý khoảng 17,110 VND với mức chiết khấu 10% do quan ngại vấn đề pháp lý khiến các dự án trì hoãn so với kế hoạch và cập nhật KQKD 2019 thấp hơn dự báo và triển vọng 2020. BSC dự báo 2020, DTT và LNST KBC lần lượt 3,359 tỷ đồng (+3.4% yoy) và LNST 1,177 tỷ đồng (+9% yoy) tương đương với EPS FW 2020 = 2,560 đồng/cp, P/E fwd = 5.8x từ (1) 60ha cho thuê từ KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh (2) 4-5ha từ khu đô thị (KĐT Phúc Ninh, Trảng Duệ). (3) KCN Tân Phú Trung, KCN Quang Châu.
ACB 2019Q4	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 27800 Giá tại Publish 22900 Chúng tôi không thay đổi dự báo đối với ACB trong năm 2019 và 2020. Thu nhập lãi thuần +18.3% yoy, tuy nhiên NIM hiện đang ở mức đỉnh và khó có nhiều đột biến. 9M2019, LNTT tăng trưởng 16.4% yoy nhờ (1) NIM cải thiện nhẹ, (2) tăng trưởng tín dụng ở mức 11.1%, (3) Chi phí dự phòng giảm mạnh -75.5% yoy. Chất lượng tài sản được giữ vững vị thế tốt nhất trong ngành. NPL = 0.7%, LLCR = 158%.
Express TPB 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 23000 Giá tại Publish 20900 BSC dự báo TPB sẽ ghi nhận TÔI và PBT lần lượt ở mức 8,088 tỷ VND (+8.5% yoy) và 4,120 tỷ VND (+28.5% yoy). TPB tiếp tục giữ tốc độ tăng trưởng cao trong quý 4/2019. LNTT +71.3% yoy cho năm 2019, tăng trưởng tín dụng ở mức 22.1%. NIM tăng mạnh 42 bps và đang ở mức đỉnh, khó có thể tăng trưởng trong thời gian tới.
DRC 2020Q1	28/2/2020	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 28780 ; Giá tại Publish 23300 Chúng tôi dự báo DTT và LNST của DRC năm 2020 lần lượt vào khoảng 4,453 tỷ đồng (+14% yoy) và 308 tỷ đồng (+24% yoy) tương đương EPS = 2,599 VND, P/E fwd = 11x. • Tiêu thụ sản phẩm Radial 2020 được dự báo tiếp tục tăng trưởng tốt từ các đơn hàng xuất khẩu. (1) sản lượng tiêu thụ Radial năm 2020 sẽ đạt khoảng 115% công suất tương đương 670 nghìn lốp (+35% yoy) lốp trong đó tỷ trọng nội địa và xuất khẩu lần lượt 24% và 76%; (2) giá bán lốp Radial được chúng tôi kỳ vọng sẽ không giảm hoặc tăng nhẹ.



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn